

ĐẶC THÙ BỘ MÔN VÀ VẤN ĐỀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ CỦA VIỆC DẠY, HỌC VĂN HỌC DÂN GIAN TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HIỆN NAY

Đoàn Thị Ngọc Anh

Khoa Ngữ Văn - Địa lý

Email: anhdt@dhhp.edu.vn

Ngày nhận bài: 17/10/2018

Ngày PB đánh giá: 14/11/2018

Ngày duyệt đăng: 17/11/2018

TÓM TẮT

Văn học dân gian chiếm một vị trí quan trọng trong chương trình môn Văn ở trường đại học cũng như trường phổ thông. Dạy - học văn học dân gian có những nguyên tắc và phương pháp riêng so với dạy - học các phân môn Ngữ văn khác trong nhà trường. Từ việc khảo sát thực trạng dạy học văn học dân gian hiện nay, chúng tôi đã đề xuất một số nguyên tắc, phương pháp tiếp cận phân văn học dân gian trong trường đại học hiện nay.

Từ khóa: Văn học dân gian, thực trạng, giải pháp

IMPROVING FOLKLORE PEDAGOGY IN UNIVERSITIES EXPLORING SUBJECT FEATURES AND SOLUTIONS TO IMPROVE FOLKLORE PEDAGOGY AT THE TERTIARY EDUCATION LEVEL

ABSTRACT:

Folklore literature constitutes an important segment in literature curriculum at the university level.. Folklore pedagogy has its own principles and techniques as compared to those of other literature branches. Given the survey on the current pedagogical practices of folklore, this article proposes some recommendations on teaching methods for this kind of literature

Keyword: Folklore, situation, solution

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cùng với văn học viết, văn học dân gian (VHDG) được đưa vào chương trình Văn - Tiếng Việt từ bậc Tiểu học, Trung học đến Cao đẳng, Đại học. Ở bậc Tiểu học, học sinh được làm quen với các tác phẩm VHDG chủ yếu thông qua các phân môn: Tập đọc, Chính tả, Làm văn... Bậc Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, các em được tiếp nhận

các tác phẩm tục ngữ, ca dao, thần thoại, truyền thuyết, cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn, sử thi... một cách trọn vẹn trong các giờ giảng văn thông qua tìm hiểu, phân tích, bình giảng tác phẩm. Một số vấn đề về nội dung và nghệ thuật của các thể loại VHDG cũng đã được đưa vào sách giáo khoa Ngữ văn, giúp cho học sinh Trung học phổ thông bước đầu có những hiểu biết về

loại hình văn học này. VHDG được tiếp tục dạy - học ở bậc Đại học, Cao đẳng thuộc các chuyên ngành đại học Ngữ văn; Đại học ngành Tiểu học. Tuy nhiên, trong nhiều năm qua việc dạy và học bộ môn này ở bậc Đại học, theo nhận xét của chúng tôi, chưa có sức hấp dẫn và thu hút nhiều đối với sinh viên. Chất lượng và kết quả học tập của sinh viên còn hạn chế. Quá trình giảng dạy của sinh viên sau khi tốt nghiệp vẫn nảy sinh nhiều vấn đề về phương pháp dạy - học tác phẩm VHDG trong nhà trường. Trường hợp một số tác phẩm VHDG được đưa ra tranh luận trong thời gian gần đây, do cách hiểu sai của học sinh hay do sự định hướng chưa đúng của các thầy cô giáo? Điều đó phần nào phản ánh sự chưa thống nhất trong cách tiếp cận và tính chất phức tạp của bộ môn này. Vấn đề đặt ra ở đây là vì sao việc dạy và học bộ môn VHDG ở bậc Đại học chưa đưa lại kết quả tốt như chúng ta mong muốn? Để góp phần trả lời câu hỏi này, chúng tôi xin được đề cập tới một số vấn đề sau:

2. ĐẶC THU BỘ MÔN VÀ THỰC TRẠNG DẠY - HỌC VHDG HIỆN NAY

Văn học dân gian có số lượng tác phẩm vô cùng đồ sộ, phong phú bao gồm cả văn xuôi lẫn văn vần. Trừ các bộ sử thi lớn (Ví dụ: *Đam San, Xinh Nhã, Đam Dong...*) còn lại hầu hết các tác phẩm thuộc các thể loại còn lại đều ngắn gọn. Vì thế nó dễ thuộc, dễ nhớ và dễ phổ biến trong các tầng lớp nhân dân. Bất kể ai là người Việt Nam cũng đều được làm quen với các tác phẩm VHDG ngay từ thuở ấu thơ qua những câu chuyện kể của bà, lời ru của mẹ, hoặc qua các trò chơi dân gian. Ở bậc phổ thông, nhiều truyện kể, nhiều câu tục ngữ, bài ca dao được trò đi, trở lại không ít lần. Lên đến bậc Đại học, nếu lại tiếp cận những tác phẩm quen thuộc, những phân phân tích, bình giảng không có gì mới,

thì giờ học VHDG trở nên buồn chán là điều rất dễ hiểu.

VHDG vừa là loại hình nghệ thuật ngôn từ, song cũng vừa là một thành tố của văn hóa dân gian. Nội dung của VHDG nói chung và của tác phẩm VHDG nói riêng chứa đựng nhiều tri thức của đời sống, từ tri thức về thế giới tự nhiên đến những tri thức về văn hóa, lịch sử, về xã hội, về con người... Do vậy muốn hiểu thấu tác phẩm VHDG phải có những tri thức nhất định về cuộc sống, phải tích lũy được vốn sống, vốn văn hóa căn bản. Điều này không dễ dàng đối với lứa tuổi thanh thiếu niên.

Khác với văn học viết, văn bản VHDG không chỉ được tồn tại dưới hình thức một văn bản khép kín theo định nghĩa nghiêm ngặt của ngôn ngữ học, mà tồn tại dưới dạng chuỗi văn bản. Tính dị bản là một trong những yếu tố làm nên sự đặc thù của văn bản VHDG. Mỗi tác phẩm văn học dân gian đích thực phải được tồn tại trong thế sống của nó. Nhân dân chính là người sáng tác, thường thức và lưu giữ bảo tồn VHDG qua mọi hình thức diễn xướng dân gian. Mỗi thể loại VHDG gắn liền và bị chi phối bởi một phương thức diễn xướng nhất định. Ta chỉ có thể thấy hết cái hay, cái đẹp của tác phẩm VHDG khi nó gắn liền với đời sống, trong sinh hoạt của quần chúng nhân dân để thực hiện chức năng thực hành sinh hoạt của bộ môn nghệ thuật này. Ví dụ trong tiếp nhận ca dao không thể không giả định một ngữ cảnh phù hợp để mà hiểu đúng hành động nói năng. Rất nhiều dị bản ca dao chỉ thay một vài chữ đã cho ta một sự liên tưởng về một cảm xúc khác, tâm trạng khác. Với bản:

Thuyền ơi có nhớ bến chăng?

Bến thì một dạ hằng hằng đợi thuyền

Thì đó là nội dung đối thoại tương

tượng của một cô gái nhớ nhung người yêu đi xa. Nhưng với bản:

Thuyền về có nhớ bến chăng?

Bến thì một dạ hằng hằng đợi thuyền

Thì đó lại là nội dung đối thoại của đôi trai gái tâm tình bên nhau lúc sắp chia xa. Chi cần thay bằng một chữ “về” thôi là ta thấy câu nói hoàn toàn có thể thâm thì nhớ nhẹ bên nhau. Với những dị bản kiểu này không có chuyện từ nào hay hơn từ nào vì mỗi từ có chỗ đứng của nó phù hợp với ngữ cảnh và nội dung bài ca diễn đạt.

Hay như trường hợp bài ca dao:

Trăm năm đành lỗi hẹn hò,

Cây đa bến cũ con đò khác đờ”

Với:

Trăm năm đâu lỗi hẹn hò,

Cây đa bến cũ con đò vẫn đờ”

Hai bài ca dao chỉ khác nhau hai từ, chúng rõ ràng là dị bản của nhau, nhưng ý nghĩa của chúng khác nhau và chắc chắn được sử dụng trong những hoàn cảnh không đồng nhất.

Học sinh, sinh viên học các tác phẩm VHĐG ở trường, ở lớp cơ bản là học trên văn bản tác phẩm trong sách giáo khoa hoặc trong các bộ sưu tập. Như vậy, họ không được trực tiếp tiếp nhận tác phẩm với tư cách là một thực thể đang sống trong sinh hoạt văn hóa gia đình, xã hội. Điều này làm giảm đi phần nào sự hứng thú trong học tập của học sinh, sinh viên và có thể họ không hiểu, không phân tích được đầy đủ các giá trị về cội nguồn văn hóa, những căn rễ sâu xa của tác phẩm, một phần cũng vì lẽ đó.

Đa số sinh viên khi xuống trường phổ thông thực tập vẫn còn bỡ ngỡ với phương pháp giảng dạy, và thiếu chủ động trong

những giờ lên lớp. Đặc biệt với những bài giảng VHĐG được triển khai không khác gì so với những bài giảng văn học viết. Ví như các em vẫn say sưa giảng ca dao giống như giảng thơ ca hiện đại. Chúng tôi đã từng được nghe một câu chuyện khá thú vị khi một sinh viên soạn giảng câu tục ngữ “*Nhai kĩ no lâu, cày sâu tốt lúa*”. Sinh viên ấy đã rất kì công để giải thích “nhai” là hoạt động như thế nào? “nhai kĩ” là nhai như thế nào? “cày” là hoạt động thế nào? “cày sâu” là cày thế nào? Việc chiết tự ngôn ngữ đó không sai, nhưng cũng không phù hợp với đặc trưng thể loại và đặc thù bộ môn VHĐG. Chúng ta chỉ cần khái quát ý nghĩa của câu tục ngữ là sự tổng kết kinh nghiệm sản xuất của người nông dân, khuyên nên cày ruộng thật sâu thì cây lúa mới tốt được. Như vậy đã đủ cho việc tìm hiểu vốn sống, vốn kinh nghiệm, nói lên cái hay cái đẹp của câu tục ngữ.

Hay như rất nhiều sinh viên phàn nàn trong một tiết giảng văn 45 phút, các em không phân tích hết nội dung ý nghĩa, giá trị nghệ thuật của tất cả những bài ca dao than thân, yêu thương tình nghĩa được trích giảng trong sách giáo khoa Ngữ văn 10, tập 1. Đó là bởi vì các em đã phân tích mỗi bài ca dao như một bài thơ, đi vào giải thích chữ nghĩa từng bài. Trong khi ca dao không tồn tại riêng lẻ một bài mà luôn được đặt trong hệ thống, trong những chùm bài ca có chung chủ đề than thân hay yêu thương tình nghĩa. Sẽ rất đầy đủ và dễ tiếp cận khi chúng ta đưa những bài ca này về cùng một nhóm để phân tích, lí giải đó là tiếng hát của ai, nói lên những tâm trạng gì? Hoặc ví như khi phân tích nhân vật Tấm trong truyện cổ tích Tấm Cám, rất nhiều người khai thác quá sâu, quá kĩ, nhắc đi nhắc lại nhiều lần chi tiết Tấm là một cô gái nông dân hiền thảo, hay lam hay làm, chịu thương chịu khó nhưng cuộc đời

chịu nhiều bất hạnh. Tấm là điển hình của người phụ nữ Việt Nam xưa v.v... Phân tích như vậy thì Tấm khác gì chị Dậu? Truyện cổ tích Tấm Cám khác gì với tác phẩm Tất đên của nhà văn Ngô Tất Tố? Điều này cũng chính là một trong sự khác biệt giữa văn học dân gian và văn học viết. Khi văn học viết yêu cầu tính sáng tạo cá nhân, thích sự độc đáo thì văn học dân gian sáng tác theo tâm thức tập thể. “Nếu như văn học viết là kết quả của vốn chữ và sự hiểu biết hàn lâm, thì VHDG là kết quả của vốn sống và sự nhạy cảm đời thường” [6], thi pháp văn học viết là thi pháp tác phẩm, VHDG không có thi pháp tác phẩm chỉ có thi pháp thể loại. Đó là những vấn đề lí thuyết mà các em cần nắm chắc và vận dụng cho linh hoạt khi đứng trước hai bộ phận của nền văn học dân tộc.

3. KIẾN NGHỊ, GIẢI PHÁP

Trong các phần trên, sơ dĩ chúng tôi trình bày khá dài dòng về một số đặc trưng cơ bản của VHDG và sự bất cập, khó khăn, hạn chế của việc dạy VHDG trong nhà trường ở tất cả các bậc học, là đề đi đến một lưu ý: dạy và học bộ môn VHDG có sự khác biệt với dạy và học văn học viết, dù cả hai đều là loại hình nghệ thuật ngôn từ. Theo chúng tôi, điểm xuất phát của công việc này chính là phải tuân theo đặc trưng thể loại của VHDG và điều kiện của người học. Hiện nay, ở các trường đại học sư phạm, bộ môn VHDG nằm trong chương trình học của năm thứ nhất. Việc dạy bộ môn này theo tín chỉ, cũng như các bộ môn khác thời lượng dạy trên lớp chỉ còn hơn 2/3 so với thời lượng của chương trình cũ. Tại khoa Ngữ văn, trường Đại học Hải Phòng số tiết VHDG theo khung chương trình là 45 tiết đối với hệ Đại học sư phạm và 60 tiết đối với hệ Đại học Ngữ văn. Thời lượng hạn chế đòi hỏi giảng viên và sinh viên phải có cách

tiếp cận môn học sao cho phù hợp mà vẫn đảm bảo được sự hứng thú và kết quả tốt. Để làm được điều này, chúng tôi xin đề xuất một số biện pháp sau:

Trong giờ dạy về lí thuyết (khái niệm, bản chất, đặc trưng, nội dung, thi pháp thể loại v.v...) cần nghiên cứu cắt giảm (ở mức độ cho phép) phần thuyết giảng của giáo viên. Thay vào đó là phải yêu cầu sinh viên đọc nhiều hơn, tự nghiên cứu phần này nhiều hơn trong các giáo trình. Hiện nay, sinh viên có thuận lợi lớn là giáo trình và tư liệu tham khảo dành cho VHDG khá phong phú, khá đa dạng. Chúng tôi cho rằng, phần tổng quát, nội dung kiến thức ghi trong các giáo trình VHDG không phải là quá khó với sinh viên. Nội dung, các chương mục của các giáo trình dù do nhiều tác giả viết lại có nhiều điểm thống nhất và gặp gỡ nhau. Do vậy, trong buổi đầu tiên giáo viên cần dành thời gian giới thiệu chương trình, tài liệu tham khảo và hướng dẫn cho sinh viên cách tiếp cận tài liệu đó. Tuy nhiên, trong điều kiện hiện nay để tiện cho việc học tập của sinh viên, chúng ta chỉ nên giới thiệu một vài giáo trình mà chúng ta cho là có chất lượng và thích hợp với các em nhất. Trong các giờ học sau, chúng ta lại yêu cầu và hướng dẫn cụ thể hơn, chi tiết hơn cho sinh viên tiếp cận với từng phần của giáo trình. Sinh viên phải đọc, ghi chép, tóm tắt các phần sẽ học, nêu ý kiến riêng của mình và những thắc mắc (nếu có). Đến lớp, giáo viên chỉ làm công việc hệ thống hóa kiến thức, nhấn mạnh những kiến thức cơ bản và giải đáp những thắc mắc của sinh viên.

Dành một thời lượng thỏa đáng (trên lớp) cho việc phân tích, bình giảng các tác phẩm VHDG từ tục ngữ, ca dao đến các truyện kể, các vở chèo v.v... Làm tốt được phần này chúng ta không chỉ bồi dưỡng,

cung cấp cho sinh viên nhiều tri thức về văn chương mà còn giúp cho họ nâng cao năng lực cảm thụ, năng lực thẩm bình một tác phẩm nghệ thuật. Đó là một trong những hành trang quan trọng để sinh viên khi ra trường có thể dạy tốt môn Ngữ văn. Vấn đề là phải chọn được tác phẩm hay, tác phẩm “có vấn đề” cần bàn bạc đưa vào các giờ học VHDG. Trong quá trình cùng với sinh viên phân tích, bình giảng tác phẩm chúng ta cần chú ý đúng mức và vận dụng linh hoạt các đặc trưng của VHDG vào việc tìm hiểu, lí giải cái hay cái đẹp của từng tác phẩm cụ thể. Ví dụ truyện cổ tích Tấm Cám là một tác phẩm VHDG “có vấn đề”. Ngay khi được đưa vào trong chương trình sách giáo khoa phổ thông thì câu chuyện này lập tức được đưa ra phân tích mổ xẻ với nhiều ý kiến khác nhau, tạo thành một làn sóng mạnh thu hút sự chú ý không chỉ của những người làm giáo dục mà tất cả các tầng lớp nhân dân đều quan tâm. Có thể nói Tấm Cám là truyện cổ tích có tính phổ biến mạnh nhất, bất kể ai là người Việt Nam đều ít nhất một lần trong đời được nghe kể câu chuyện này. Tôi còn nhớ rất rõ kỉ niệm tuổi thơ được nghe bà, nghe mẹ kể Tấm Cám trước mỗi giờ đi ngủ, và tôi thấy rất sung sướng há hê với cách kết thúc truyện, sự trả thù thỏa đáng đối với mẹ con mụ dì ghè độc ác. Truyện cổ tích Việt Nam là truyện kể trong nhà cho trẻ nhỏ, những câu chuyện được kể trong tình thương yêu của bà, của mẹ mới thấy hay và ý nghĩa làm sao. Hiện nay, việc cổ định hóa văn bản cổ tích gây ra sự tranh cãi về cái kết trong truyện cổ tích Tấm Cám làm nhức lòng biết bao người. Có những ý kiến khá gay gắt cho rằng cái kết của truyện cổ tích Tấm Cám thật dã man với chi tiết Tấm làm mắm Cám rồi gửi cho mụ dì ghè ăn, từ đó mà họ kết luận cô Tấm ác, trả thù như vậy thì Tấm còn ác hơn Cám v.v... Nhưng cũng có

những ý kiến lên tiếng bênh vực Tấm và giải thích cho cách kết thúc truyện là hoàn toàn phù hợp với đặc trưng thể loại cổ tích và tâm lí xã hội, mơ ước của nhân dân về chân lí *ác giả ác báo, tích ác phùng ác* là điều đương nhiên. Trước vấn đề một tác phẩm văn học dân gian có nhiều ý kiến khác nhau như vậy, người thầy phải lãnh nhận trách nhiệm định hướng, soi đường. Muốn làm tốt việc này, trước hết cho sinh viên thảo luận, lắng nghe ý kiến, quan điểm của các em sau đó sẽ phân tích cặn kẽ có lí giải cho sinh viên về lí do tồn tại chi tiết kết thúc truyện đó.

Từ một số hiện tượng VHDG có vấn đề trên, chúng tôi thấy trong nhà trường sư phạm cần thiết phải có những tiết học thực hành, vận dụng kiến thức chuyên ngành trong việc giảng dạy tác phẩm ngữ văn tại trường phổ thông. Những giờ thực hành phương pháp phải đến năm thứ ba, thứ tư sinh viên mới được học với học phần phương pháp dạy học. Trách nhiệm dạy nghề được đặt lên những giáo viên phương pháp, song trong điều kiện cho phép họ cũng chỉ có thể cung cấp những kiến thức nền, những kĩ thuật giảng dạy chung nhất. Trong những giờ thực hành giảng văn đa phần các em lại chọn tác phẩm văn học viết. Những tác phẩm VHDG dần bị quên đi phần vì bị xem nhẹ so với văn học viết, phần vì cũng có những khó khăn riêng trong tiếp nhận. Điều đó khiến chúng tôi trăn trở rất nhiều khi là một giảng viên chuyên ngành VHDG. Nếu dạy kiến thức chuyên ngành kết hợp với rèn phương pháp cho sinh viên trải nghiệm trong những giờ tập giảng tác phẩm VHDG trong nhà trường đối với năm thứ nhất thì các em vẫn còn quá bỡ ngỡ, xa lạ. Chính vì vậy mới dẫn đến một số sự tiếp cận sai lệch, sự giải thích chưa thỏa đáng với tác phẩm VHDG trong trường phổ thông. Cho nên,

chúng tôi vẫn thấy mình cần thiết phải dành thời lượng định hướng giảng dạy những tác phẩm VHGD trong nhà trường, giúp trang bị cho các em sinh viên những kiến thức tổng hợp, phổ thông nhất trong hành trang bước vào nghề. Điều này, đặc biệt cần thiết với việc đào tạo sinh viên ngành sư phạm. Tất nhiên để làm tốt phải có sự phối kết hợp từ cả hai phía thầy và trò.

VHGD như trên đã nói, tác phẩm tồn tại gắn với “biểu diễn”, diễn xướng cho nên nếu có điều kiện chúng ta nên cho sinh viên tiếp xúc với các nghệ nhân dân gian, cho các em được xem tuồng, chèo, múa rối nước, nghe bát dãn ca, hát xẩm... và tốt hơn nữa là cho sinh viên về các làng quê diền dã. Chắc chắn những cuộc tiếp xúc, những chuyến đi này sẽ tạo nhiều hứng thú, góp phần mở rộng, nâng cao sự hiểu biết của các em về các loại hình nghệ thuật dân gian. (Việc làm này những năm trước đây được khoa Văn của các trường đại học làm khá tích cực nhưng những năm gần đây do nhiều nguyên nhân nó không được chú ý và thực hiện tốt như trước).

Điểm cuối cùng chúng tôi cần nhấn mạnh là dạy VHGD cần huy động tối đa ý kiến đóng góp của sinh viên. Một hình tượng, một từ ngữ... trong một tác phẩm VHGD thường chứa đựng nhiều tầng nghĩa và có nhiều cách nhìn, cách phân tích khác nhau. Đôi khi sinh viên có những cách nhìn, cách hiểu rất thú vị và đáng chú ý. Đặc biệt với các em sinh viên hệ cử nhân, đến từ nhiều vùng quê khác nhau, việc tập hợp ý kiến của sinh viên sẽ giúp chúng ta đi được đến nhiều vùng đất, tiếp cận được với nền VHGD địa phương. Cùng một bài ca dao, tục ngữ này nhưng trên mỗi vùng quê lại có cách hiểu khác nhau, đó là sự chi phối của yếu tố văn hóa vùng. Ví như câu tục ngữ

Chuối sau, cau trước, chỉ ngắn gọn bốn chữ vậy thôi, nhưng lại có nhiều cách hiểu cách tiếp cận khác nhau: có người coi đây là một lời miêu tả thực tế: một thực tế đáng khen của một gia đình làm ăn khá khá, có các loại cây trồng có giá trị và có thể là biết bố trí hợp lý, làm cảnh vật thêm đẹp. Có người hiểu đây là một kinh nghiệm về việc trồng cây quanh nhà. Trồng chuối đằng sau nhà hợp lý hơn vì đó là thứ cây đẻ nhanh, lá lớn vừa không đẹp, vừa che khuất tầm nhìn, che cả gió mát. Trồng cau đằng trước nhà là vì cau có thân cây đẹp, gọn, lá mọc cao không che nắng gió, không làm khuất tầm nhìn. Có người lại nói đây là nói về kinh nghiệm chọn lựa hay đánh giá độ già non: quả chuối hàng sau ngon hơn, có độ già sớm hơn. Quả cau hàng trước cũng được đánh giá như vậy v.v... Như vậy tìm hiểu kĩ những câu nói dân gian có thể rút ra nhiều điều bổ ích, giúp ta nâng cao sự hiểu biết về ngôn ngữ và khả năng tiếp nhận các phát ngôn trong cuộc sống. Văn học dân gian không ép buộc người tiếp nhận một chiều, vì là văn học của quần chúng nên nói hộ tiếng nói của quần chúng nhân dân và có tính ứng dụng rộng rãi. Muốn tìm hiểu tác phẩm văn học dân gian hãy đặt chúng trong những hoàn cảnh tiếp nhận cụ thể.

Tác phẩm VHGD phần nhiều lạ mà quen, quen mà lạ đối với sinh viên. Nếu biết cách khơi gợi và tạo hứng thú học tập cho các em, chắc chắn giờ học sẽ không nhàm chán tẻ nhạt. Hiệu quả của những giờ học trên lớp sẽ góp phần bồi dưỡng năng lực, giáo dục nhân cách giúp các em yêu hơn dòng văn học truyền thống của dân tộc. Cũng qua kênh này, chúng ta sẽ gìn giữ được cái sắc thắm tâm hồn Việt, có tính trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác một cách hiệu quả nhất.

4. KẾT LUẬN

Văn học dân gian quen thuộc mà không nhàm chán, lặp lại mà vẫn hấp dẫn, đi vào bất kì thể loại nào cũng có thể và cần phải tìm thấy cái hay riêng, vẻ độc đáo riêng của từng tác phẩm. Bài viết trên đây của chúng tôi là những khảo sát trực tiếp từ hoạt

động dạy học và những đúc rút kinh nghiệm của bản thân. Từ thực trạng còn nhiều bất cập, chúng tôi đề ra những giải pháp cụ thể theo hướng phát triển kĩ năng và nhân cách, kiểu tư duy và thói quen tự học độc lập, sáng tạo của học sinh, sinh viên gắn liền với đặc trưng thể loại VHĐG và đặc trưng văn hóa của dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Tiến Tựu (2007) *Mấy vấn đề phương pháp giảng dạy - nghiên cứu Văn học dân gian*, NXB Giáo Dục, Hà Nội.
2. Lê Xuân Mậu (2012) *Văn học dân gian cái hay, vẻ đẹp*, NXB Lao động, Hà Nội
3. Nguyễn Bích Hà (2010), *Giáo trình Văn học dân gian Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
4. Nguyễn Lâm (2010), *Từ điển Thành ngữ và tục ngữ Việt Nam*, NXB Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
5. Nguyễn Văn Tùng (tuyển chọn) (2012), *Tác phẩm văn học trong nhà trường. Những vấn đề trao đổi*, tập ba, NXB Giáo dục, Hà Nội.
6. Vũ Anh Tuấn (chủ biên) (2012), *Giáo trình Văn học dân gian*, NXB Giáo dục, Hà Nội.